

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263 /2022/HSST

Ngày 27/07/2022.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hoàng Văn Thành.**

Thẩm phán Ông **Nguyễn Đăng Phong.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Vũ Lâm.**

Ông **Lê Văn Bình.**

Bà **Phạm Thị Mai Hồng.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 27/07/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 211/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 06 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 06 năm 2022 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Thị H**, sinh năm 19XX; Giới tính: Nữ.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Phòng 521- C11, tập thể Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trịnh Viết C và con bà Nguyễn Thị Y; Chồng: Nghiêm Viết T (Đã ly hôn năm 2017); Có 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trịnh Thị H:**

Bà **Trịnh Thị Ho**, sinh năm 1968, có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Phòng 308-A9 khu tập thể Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố

Hà Nội, (Chị gái của bị cáo Trịnh Thị H).

* **Luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị H: Bà Phạm Thị Hồng**, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Hồng Minh Quang, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, Có mặt.

Bị hại:

1. Chị **PH Thị Ng**, sinh năm 1991.

Trú tại: Số 9, Ngõ 360 Hoàng Công Chất, pHur Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Chị **Ngô Thị Thu Tra**, sinh năm 1984.

HKTT: Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

3. Chị **Kiều Thị Thu Ng**, sinh năm 1989.

Trú tại: Số 82 Tô Hiệu, pHur Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1988.

Trú tại: Số 17, Ngõ 8 Cầu Đơ 4, pHur Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

5. Chị **Trần Bích Thảo**, sinh năm 1981.

Trú tại: P2211-CT2-Khu đô thị Văn Khê, pHur La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

6. Chị **Đào Thị Oa**, sinh năm 1989.

Trú tại: Khu Cầu Đơ 4, pHur Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

7. Chị **Chu Thị Hải Y**, sinh năm 1985.

HKTT: Số 54 Hoàng Diệu, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

8. Anh **Lã Văn Hu**, sinh năm 1998.

Trú tại: Xã Đại Thắng, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

9. Chị **Phạm Thị Hư**, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn Vũ Lăng, xã Dân Ho, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

10. Chị **Nguyễn Thị Hằng Ng**, sinh năm 1987.

Ông **Nguyễn Viết C** (Là bố đẻ chị Ng).

Trú tại: Thôn Trần Phú, xã Dân Ho, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

11. Ông **Lương TH Q**, sinh năm 1954.

Trú tại: Số nhà 2, dãy C2, tổ dân phố 16 Ngô Quyền, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Tô Thị C**, sinh năm 1968.

HKTT: Số nhà 04D3, Ngõ 10 Ngô Quyền, pHur Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn H Q**, sinh năm 1976, vắng mặt tại phiên tòa

Trú tại: Số 17, Ngõ 38 Quang Trung, pHur La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà

Nội.

Người làm chứng:

Bà **Trịnh Thị Ho**, sinh năm 1968, có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Phòng 308-A9 khu tập thể Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, (Chị gái của bị cáo Trịnh Thị H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/11/2013, Cơ quan Công an quận Hà Đông nhận được đơn tố giác của bà **Tô Thị Cài** và ông **Nguyễn Viết C** cùng một số cá nhân khác tố cáo bị cáo Trịnh Thị H, đã nhận tiền, hứa hẹn xin cho người quen của họ được vào làm việc tại Đài Truyền hình Việt Nam, Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, Bệnh viện Trung ương Quân đội (Bệnh viện 108), Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội (Nay là Cục quản lý thị trường Hà Nội) và Trại tạm giam B14 - Bộ Công an...Sau khi nhận tiền, bị cáo H không thực hiện như cam kết, không trả lại tiền.

Quá trình điều tra xác định:

Do cần tiền để chi tiêu, lợi dụng nhiều người có nhu cầu xin việc làm trong các cơ quan nhà nước, bị cáo **Trịnh Thị H** đã trực tiếp hoặc thông qua người quen tự giới thiệu đang làm việc tại Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và quen biết với nhiều người có khả năng xin được việc làm trong các cơ quan nhà nước như: Đài truyền hình Việt Nam, bệnh viện Đa khoa Hà Đông, bệnh viện 108, Chi cục quản lý thị trường thành phố Hà Nội, trại tạm giam B14- Bộ Công an...Số tiền phải chi phí từ 130.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, đưa trước 1/2 số tiền, khi có Quyết định được đi làm sẽ đưa số tiền còn lại. Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 9/2013, Bị cáo **Trịnh Thị H** đã trực tiếp hoặc thông qua bà **Tô Thị Cài** nhận tiền của những người có nhu cầu xin việc làm, sau đó không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt số tiền đã nhận, cụ thể:

I. Hành vi của bị cáo Trịnh Thị H lừa đảo chiếm đoạt tiền của các Bị hại thông qua bà Tô Thị Cài:

Từ năm 2012, bà **Tô Thị Cài** quen biết và chơi thân với bị cáo **Trịnh Thị H**. Quá trình quen biết, bị cáo H tự giới thiệu đang công tác tại Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, có mối quan hệ quen biết rộng, có khả năng xin được việc làm cho nhiều người vào công tác tại Cơ quan nhà nước, nếu bà **Cài** giới thiệu người cần xin việc cho bị cáo H, bị cáo H sẽ xin giúp và trích tiền “Hoa hồng” chi phí xin việc cho bà **Cài**. Tin tưởng bị cáo H, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 9/2013, bà **Cài** đã nhận hồ sơ và 720 triệu đồng tiền đặt cọc của 10 cá nhân và đưa cho bị cáo H. Bị cáo H nhận tiền và hứa hẹn trong thời gian một tháng sẽ có

Quyết định đi làm. Cụ thể:

1. Ngày 10/4/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 90 triệu đồng và hồ sơ xin việc của chị **PH Thị Ng** vào làm tại Đài Truyền hình Việt Nam.
2. Ngày 10/4/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 90 triệu đồng và hồ sơ xin việc của chị **Ngô Thị Thu Tra** vào làm tại khoa Dinh dưỡng, Bệnh viện 108.
3. Ngày 16/4/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 90 triệu đồng và hồ sơ xin việc của chị **Kiều Thị Thu Ng** vào làm tại Trại tạm giam B14 - Bộ Công an.
4. Ngày 16/4/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 50 triệu đồng và hồ sơ xin việc của chị **Trần Thị Thu Hoov** vào làm tại Trại tạm giam B14 - Bộ Công an.
5. Ngày 16/4/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 100 triệu đồng và hồ sơ xin việc của chị **Trần Bích Thảo** vào làm tại Chi cục quản lý thị trường Hà Nội.
6. Ngày 22/5/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 80 triệu đồng và hồ sơ xin việc của chị **Đào Thị Oa** vào làm tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông.
7. Ngày 06/6/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 90 triệu đồng và hồ sơ xin việc của chị **Chu Thị Hải Y** vào làm tại Đội quản lý thị trường Hà Đông.
8. Ngày 01/7/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 30 triệu đồng và hồ sơ xin việc của anh **Lã Văn Hu** vào làm tại Đội quản lý thị trường Hà Đông.
9. Ngày 21/8/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 70 triệu đồng và hồ sơ xin việc của chị **Phạm Thị Hư** vào làm tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông.
10. Ngày 26/9/2013, bà Cài đưa cho bị cáo H 30 triệu đồng và hồ sơ xin việc của chị **Nguyễn Thị Hằng Ng** vào làm tại Đài Truyền hình Việt Nam. Ngoài ra, H còn nhận thêm của ông **Nguyễn Viết C** (Là bố đẻ chị Ng) số tiền 20 triệu đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo H nhận để xin việc cho chị Ng là 50 triệu đồng.

Đối với 03 hồ sơ xin việc và số tiền xin việc của chị **Đào Thị Oa**, anh **Lã Văn Hu** và chị **Trần Bích Thảo**, bà Cài không nhận trực tiếp từ chị Oa, anh Hu, chị Thảo mà nhận tiền và hồ sơ thông qua chị Nguyễn H Quỳnh.

Tổng số tiền bị cáo **Trịnh Thị H** nhận của bà Tô Thị Cài là 720 triệu đồng. Bị cáo H viết giấy biên nhận số tiền trên với bà **Tô Thị Cài**.

II. Hành vi bị cáo Trịnh Thị H lừa đảo chiếm đoạt tiền của Bị hại:

Cũng trong thời gian trên, bị cáo **Trịnh Thị H** còn nhận hồ sơ và 100 triệu đồng tiền đặt cọc của ông **Lương TH Q** để hứa hẹn xin cho con gái ông Q là chị Lương Ng LuY vào làm việc tại Ban Thời sự Đài Truyền hình Việt Nam. Bị cáo H viết giấy nhận số tiền trên với ông **Lương TH Q**.

Sau khi nhận 840 triệu đồng từ bà Cài, ông Q, ông C. Trịnh Thị H khai đưa cho những người sau để nhờ xin việc, cụ thể:

- Khoảng tháng 8/2013, bị cáo H đưa cho ông **Trần Minh Khuých** (Sinh năm: 1955, Trú tại: Tập thể Công ty xăng dầu, pHư Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà

Nội) công tác tại Trung tâm phòng chống lao và bệnh phổi Hà Đông, thành phố Hà Nội số tiền 200 triệu đồng để xin việc cho các trường hợp: Đào Thị Oa, Phạm Thị Hư, Nguyễn Thị Hằng Ng. Việc bị cáo H giao nhận tiền cho ông Khuých không có giấy tờ biên nhận, không có người chứng kiến.

- Trong các ngày 10/4/2013, 21/5/2013, 18/6/2014, bị cáo H đưa cho **Lê Thanh Ng** (Sinh năm: 1982, Trú tại: Tổ 14 pHư Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) 405 triệu đồng để nhờ **Ng** xin việc cho 08 trường hợp gồm: PH Thị Ng, Ngô Thị Thu Tra, Kiều Thu Ng, Trần Thu H, Trần Bích Thảo, Lã Văn Hu, Chu Hải Y, Lương Ng LuY. Quá trình điều tra, **Ng** thừa nhận bị cáo H có đưa cho Ng 405 triệu đồng để nhờ Ng xin việc cho Vi Thị PH Thảo, Nguyễn Thị Hu, PH Thị Ng, Nguyễn Thị Thu Tra, Lương Ng LuY, Kiều Thị Ng. Sau khi không xin được việc làm, Ng đã trả lại cho bị cáo H 225 triệu đồng, trả trực tiếp cho bà Cài 140 triệu đồng và gia đình ông Q40 triệu đồng (Vì Ng biết bị cáo H nhận tiền xin việc của bà Cài và ông Q). Cùng thời gian này, bà Cài yêu cầu bị cáo H trả 90 triệu đồng tiền nhờ xin việc cho Ngô Thị Thu Tra, nhưng bà Cài vẫn tiếp tục nhờ xin việc cho các trường hợp còn lại. Bị cáo H đồng ý và chỉ trả cho bà Cài 60 triệu đồng tiền xin việc của Ngô Thị Thu Tra và hứa sẽ trả 30 triệu đồng còn lại.

Sau khi Ng trả tiền cho bị cáo H, bà Cài, ông Q, mặc dù không có khả năng xin việc nhưng bị cáo H vẫn cam kết sẽ tiếp tục xin việc cho các trường hợp trên như đã hứa hẹn và chiếm đoạt số tiền 375.000.000 đồng còn lại. Số tiền này bị cáo H đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân.

Tại bản Kết luận giám định số: 4101/C54-P5 ngày 23/01/2014 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an Kết luận:

- Chữ viết, chữ ký đứng tên **Trịnh Thị H** cần giám định trên các giấy bị cáo H nhận tiền của Tô Thị Cài là chữ viết, chữ ký của bị cáo Trịnh Thị H.

- Chữ ký, chữ viết đứng tên **Lê Thanh Ng** trên các giấy biên nhận tiền là chữ viết, chữ ký của Lê Thanh Ng.

* Xác minh tại Chi cục quản lý thị trường thành phố Hà Nội xác định: Trong năm 2013 không có đơn vị, tổ chức, cá nhân nào đến liên hệ nộp hồ sơ cho **Lã Văn Hu**, Chu Thị Hải Y, Trần Thị Bích Thảo. Đội quản lý thị trường Hà Đông không có chức năng nhiệm vụ để tuyển cán bộ nhân viên, chức năng trên thuộc Chi cục quản lý thị trường thành phố Hà Nội.

* Xác minh tại Trại giam B14 - Bộ Công an: Trong thời gian từ 4/2013 đến tháng 3/2014 Bộ Công an không tiếp nhận hồ sơ nào tên **Kiều Thị Thu Ng**, Trần Thị Thu Hoovào làm việc tại trại giam.

* Xác minh tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông: Ngày 20/8/2013 phòng Tổ chức cán bộ có tiếp nhận hồ sơ mang tên **Phạm Thị Hư** nộp để thi công chức và Hư có tham

dự thi nhưng không đỗ. Trước và sau khi Hư thi không có ai đến đặt vấn đề cho Hư được đỗ vào biên chế và làm việc tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông. Phòng Tổ chức cán bộ không tiếp nhận hồ sơ nào mang tên Đào Thị Oa

* Xác minh tại Bệnh viện Trung ương quân đội 108: Trong thời gian từ tháng 1/2013 đến tháng 12/2013 bệnh viện không nhận hồ sơ nào mang tên **Ngô Thị Thu Tra**.

* Xác minh tại Đài truyền hình Việt Nam: Từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2013 không có đơn vị, tổ chức cá nhân nào đến liên hệ, tiếp xúc nộp hồ sơ cho Lương Ng LuY, PH Thị Ng, Nguyễn Hằng Ng vào làm việc tại Đài Truyền hình Việt Nam và từ năm 2011 đến nay Đài truyền hình Việt Nam đã ngừng tuyển dụng ngạch công chức, viên chức.

* Xác minh tại Ủy ban nhân dân pHur Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội được biết ông **Trần Minh Khuých** đã tử vong (Ung thư gan) vào hồi 10 giờ 12 phút ngày 15/3/2014.

Cơ quan điều tra đã xác minh đối với Lê Thanh Ng, hiện vắng mặt khỏi nơi cư trú từ năm 2014 nên Cơ quan điều tra không tiến hành ghi lời khai và đối chất giữa Ng với H được.

Quá trình điều tra, truy tố, ngày 24/4/2015, bà **Trịnh Thị Ho** (Sinh năm: 1968; Trú tại: Phòng 308-A9 khu tập thể Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, là chị gái của bị cáo Trịnh Thị H) đã giao nộp một số tài liệu liên quan đến việc điều trị bệnh tâm thần của bị cáo Trịnh Thị H tại Bệnh viện Quân y 103.

Ngày 16/6/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần số: 373/QĐ/PC44(Đ3) đối với bị cáo Trịnh Thị H tại Viện pháp y tâm thần Trung ương.

Ngày 07/01/2016, Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương đã có **Kết luận** giám định pháp y tâm thần số: 64/KLGD đối với bị cáo Trịnh Thị H, Kết luận:

- Trước và trong khi phạm tội Trịnh Thị H mắc bệnh Rối loạn khí sắc (Cảm xúc) thực tổn, theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ X về các rối loạn tâm thần và hành vi năm 1992, có mã số F06.3, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm giám định Trịnh Thị H mắc bệnh Rối loạn trầm cảm thực tổn có ý tưởng và hành vi tự sát, theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ X về các rối loạn tâm thần và hành vi năm 1992, có mã số F06.32, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Còn năng lực trách nhiệm hình sự thuộc thẩm quyền của Cơ quan pháp luật.

Ngày **11/3/2016** Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 03 đối với bị cáo Trịnh Thị H.

Ngày **24/7/2020**, Cơ quan điều tra nhận được thông báo của Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 thông báo bị cáo Trịnh Thị H đã bỏ trốn. Ngày **18/11/2020**, bà Trịnh Thị Ho (Chị gái H) đã đưa bị cáo H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành

phố Hà Nội trình diện. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố Hà Nội đã bàn giao bị cáo Trịnh Thị H cho Bệnh viện Tâm thần Trung ương I để quản lý, tiếp tục áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc đối với H.

Ngày **29/01/2021**, Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 có Công văn số: 03/2021/CV-BBCB gửi Cơ quan điều tra thông báo Bệnh viện tâm thần Trung ương 1 đã hội chẩn Kết luận bị cáo **Trịnh Thị H** ở giai đoạn khỏi bệnh và đang mang thai 20 tuần.

Ngày 17/3/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 225/QĐ-PC01-Đ3 trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định về tình trạng tâm thần đối với bị cáo Trịnh Thị H sau bắt buộc chữa bệnh.

Tại bản Kết luận giám định sức khỏe tâm thần sau điều trị bắt buộc số: 56/KLGĐSKTT-SBBCB ngày 05/11/2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Kết luận: Tại thời điểm giám định bệnh của bị cáo Trịnh Thị H ở giai đoạn ổn định. Bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi bị cáo **Trịnh Thị H** không xin được việc làm cho những người Bị hại trên, bị cáo H đã trả toàn bộ số tiền 720 triệu đồng cho bà Tô Thị Cài; Trả cho ông **Lương TH Q** 100 triệu đồng; Trả cho ông **Nguyễn Viết C** 20 triệu. Bà Tô Thị Cài đã trả hết tiền cho 10 người Bị hại nêu trên đầy đủ, người Bị hại nhận được toàn bộ số tiền nêu trên và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số: 168 /CT-VKS HN-P3 ngày 17/05/2022 Viện kiểm sát nhân tthành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo **Trịnh Thị H** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên toà cho rằng bị cáo H có hành vi lừa đảo tiền của các Bị hại thông qua xin việc. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Phạm tội lần đầu, bố, mẹ bị cáo H có công với cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ cho Bị cáo theo khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo **Trịnh Thị H**, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Các điểm b, p khoản 1,2 Điều 46 ; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Thị H** : Từ 08 đến 09 năm tù và trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh cho bị cáo H.

Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Luật sư bào chữa cho Bị cáo:

Đồng nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã truy tố Bị cáo và mức án mà

Viện kiểm sát đề nghị đối với Bị cáo và không phạt bổ sung bằng tiền. Bị cáo đã khắc phục Hu quả, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trung thực, bố mẹ bị cáo H đều có huân, huy chương, có công với cách mạng, là mẹ đơn thân đang một mình nuôi 03 con nhỏ do gia đình giúp đỡ theo các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm q khoản 1,2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Các Bị hại vắng mặt không có ý kiến gì.

Người liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Bị cáo H và Đại diện hợp pháp của bị cáo xin H được giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và tội danh của Bị cáo:

Lời khai nhận của bị **Trịnh Thị H** tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để Kết luận:

Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Bị cáo **Trịnh Thị H** đã lợi dụng việc nhiều người có nhu cầu xin việc làm trong các cơ quan nhà nước, bị cáo H đã trực tiếp hoặc thông qua người quen và tự giới thiệu đang làm việc tại Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, quen biết với nhiều người có khả năng xin được việc làm trong các cơ quan nhà nước như: Đài truyền hình Việt Nam, bệnh viện Đa khoa Hà Đông, bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Chi cục quản lý thị trường thành phố Hà Nội, Trại tạm giam B14- Bộ Công an... Bị cáo H nêu số tiền chi phí từ 130.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, đưa trước một nửa số tiền, khi có Quyết định được đi làm sẽ đưa số tiền còn lại.

Với thủ đoạn trên, trong thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 9/2013, bị cáo **Trịnh Thị H** đã trực tiếp hoặc thông qua bà Tô Thị Cài nhận tiền của 11 người với tổng số là 840.000.000 đồng, sau đó bị cáo H không thực hiện như cam kết và chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân. Quá trình điều tra, bị cáo **Trịnh Thị H** và gia đình đã trả cho bà Tô Thị Cài số tiền 720 triệu đồng; Trả cho ông Lương TH Q100 triệu đồng; Trả cho ông **Nguyễn Viết C** 20 triệu đồng. Bà Cài đã trả hết tiền cho 10 người Bị hại, Bị hại nhận được tiền không có yêu cầu gì khác.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Trịnh Thị H** đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 139. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng gây Hu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

.....
Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bằng hành vi gian dối Ngụy từ đầu để chiếm đoạt tài sản của các Bị hại bằng thủ đoạn xin việc cho các Bị hại vào làm việc tại Đài truyền hình Việt Nam, bệnh viện Đa khoa Hà Đông, bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Chi cục quản lý thị trường thành phố Hà Nội, Trại tạm giam B14- Bộ Công an... hành vi của bị cáo H làm trật tự tại địa pH, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây bức xúc cho dư luận. Bản thân Bị cáo là người có nhận thức pháp luật hạn chế nhưng do chưa có ý thức tu dưỡng, rèn luyện nên đã phạm tội. Vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với Bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục nộp lại toàn bộ số tiền cho các Bị hại. Bị cáo có nhược điểm về tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, rối loạn tâm thần có mã số F06.3, Bố, mẹ bị cáo H có công với cách mạng, đang một mình cùng sự hỗ trợ của gia đình nuôi 03 con nhỏ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự theo các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo **H** có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2] Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự; Căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; Căn cứ nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly Bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe giáo dục Bị cáo riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Người liên quan, các Bị hại đã nhận lại đầy đủ tiền và không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong vụ án này:

Đối với bà **Tô Thị Cài** có hành vi nhận tiền của những người Bị hại để nhờ bị cáo H xin việc nhưng không có mục đích chiếm đoạt, bản thân bà Cài đã tự khắc phục Hu quả, trả lại tiền cho những người nhờ xin việc, hành vi của bà Cài không cấu

thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với **Lê Thanh Ng**, mặc dù không có chức năng nhiệm vụ xin việc làm, đã nhận 405 triệu đồng và hứa hẹn xin việc làm cho các trường hợp do bị cáo H nhờ. Sau khi không xin được việc, Ng đã trả lại toàn bộ số tiền trên cho bị cáo H. Hiện Ng không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách tài liệu liên quan đến hành vi của Lê Thanh Ng để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với Nguyễn H Quỳnh có hành vi nhận tiền của 03 bị hại để nhờ bà Cài xin việc, không có mục đích chiếm đoạt, đã tự khắc phục Hu quả trả cho những người Bị hại nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đã khắc phục Hu quả xong.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có khả năng về tài chính và phải chấp hành hình phạt tù. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án: Các tài liệu liên quan đến việc phạm tội của Bị cáo được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[5] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Các cơ quan tiến hành Tố tụng của **Công an thành phố Hà Nội** thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố. Kết luận điều tra của Công an thành phố Hà Nội, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, áp dụng với Bị cáo là đúng, tương xứng với hành vi phạm tội của Bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trịnh Thị H** phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139, các điểm b, p khoản 1,2 Điều 46; Điều 33; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Thị H 06** (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh trong hai giai đoạn (Từ ngày 24/03/2016 đến ngày 20/12/2016); (Từ ngày 18/11/2020 đến ngày 08/01/2021).

Cụ thể là: **09** tháng **18** ngày.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về xử lý vật chứng: Các tài liệu Cơ quan điều tra đã lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tHư vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Trịnh Thị H** phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung

vào ngân sách Nhà nước.

Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình bị cáo **Trịnh Thị H**; Đại diện hợp pháp của bị cáo **H** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết Bản án hợp lệ./.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- UBND pHư Thanh Xuân Bắc;
- Bị hại; Bị cáo, lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HOÀNG VĂN THÀNH

